

Số: 669/QĐ-UB-TM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 1994

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về các khoản lệ phí hành chính của**  
**cơ quan Kiến trúc sư Trưởng thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;
- Căn cứ Thông tư 46/BCT-TCT ngày 28/ 9/ 1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thi hành quyết định số 276/CT ngày 28 /7/ 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;
- Căn cứ Quyết định số 1309/QĐ-UB-NC ngày 30/ 8/ 1993 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện chế độ Kiến trúc sư Trưởng thành phố;
- Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-UB-QLĐT ngày 27/ 08/ 1993 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về thủ tục và thẩm quyền cấp đất xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-UB-QLĐT ngày 06 /9 /1993 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành qui định về thủ tục và thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UB-QLĐT ngày 13/01/ 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành qui định về trình tự và thẩm quyền cấp phép sửa chữa và xây dựng bán kiên cố đối với nhà ở riêng lẻ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Theo đề nghị của Kiến trúc sư Trưởng thành phố, Giám đốc Sở Tài chính và Cục Trưởng Cục Thuế thành phố,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.**

Cơ quan Kiến trúc sư Trưởng thành phố được thu các loại phí hành chính sau đây:

1. Lệ phí thoả thuận địa điểm xây dựng.
2. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.
3. Lệ phí sao lục văn bản.

**Điều 2.** Mức thu lệ phí thoả thuận địa điểm xây dựng:

- Đất xây dựng nhà ở và công trình công cộng: 500đ/m<sup>2</sup>.
- Đất xây dựng công trình sản xuất công nghiệp: 800đ/m<sup>2</sup>.
- Đất xây dựng công trình sản xuất nông nghiệp: 400đ/m<sup>2</sup>.
- Đất xây dựng công trình kinh doanh thương mại và các loại công trình khác: 1.000đ/m<sup>2</sup>.

**Điều 3.**

Mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa công trình:

1/ Xây dựng nhà bán kiên cố cấp 3, 4: 500đ/m<sup>2</sup> sàn.

2/ Xây dựng mới nhà kiên cố cấp 1, 2: 1.000đ/m<sup>2</sup> sàn.

3/ Xây dựng mới nhà kiên cố theo dạng biệt thự: 5.000đ/m<sup>2</sup>.

4/ Sửa chữa nhỏ: 20.000 đ/1 giấy phép.

5/ Sửa chữa công trình kiên cố: 50.000 đ/1 giấy phép.

6/ Sửa chữa công trình có tăng diện tích, ngoài lệ phí tính theo giấy phép (như khoản 3 và 5 ở trên) còn cộng với lệ phí tính theo diện tích tăng thêm theo mức lệ phí đối với diện tích xây dựng mới (như khoản 1, 2 và 3 ở trên).

**Điều 4.**

Miễn thu lệ phí theo quyết định này đối với các loại công trình: nhà ở theo dạng chung cư cao tầng, trường học, cơ sở y tế, nhà trẻ.

**Điều 5.**

Mức lệ phí gia hạn các loại giấy phép tính bằng 60% mức lệ phí cấp giấy phép lần đầu.

Mức lệ phí sao lục văn bản: 10.000 đồng/1 lần sao (không tính tiền sao chụp).

**Điều 6.**

Ngoài mức lệ phí đã quy định trong quyết định này, cơ quan, cá nhân nào thu thêm một khoản nào nữa đều là bất hợp pháp.

### **Điều 7.**

Cơ quan Kiến trúc sư Trưởng được giữ lại 30% tổng lệ phí thu được để chi phí bổ sung cho người trực tiếp tham gia thụ lý hồ sơ và kinh phí hoạt động của cơ quan.

### **Điều 8.**

Sở Tài chính và Cục thuế thành phố có trách nhiệm hướng dẫn việc thu và sử dụng phần lệ phí trích giữ lại.

Kiến trúc sư Trưởng thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện (cấp phép xây dựng theo Quyết định số 117/QĐ-UB) tổ chức việc đăng ký và thu nạp lệ phí, đồng thời qui định cụ thể chế độ sử dụng phần lệ phí trích giữ lại cho cơ quan trong giới hạn 30% lệ phí.

### **Điều 9.**

Quyết định này thay thế Quyết định số 01/XDCB ngày 02 /01/ 1989 của Ủy ban Xây dựng cơ bản thành phố và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 1994.

### **Điều 10.**

Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính thành phố, Cục trưởng Cục thuế thành phố, Kiến trúc sư Trưởng thành phố và Ủy ban nhân dân các Quận, Huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Vương Hữu Nhơn**